

Số: 3325 /TB-STNMT

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2020

## THÔNG BÁO

**Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án, tại lô đất 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng**

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được nhận được Công văn số 328/2020/CV-HNV ngày 18/9/2020 của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid về việc đề nghị kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và hồ sơ kèm theo.

Thực hiện theo quy định Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 30/9/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án. Kết quả kiểm tra vẫn còn một số nội dung chưa đạt yêu cầu (số liệu diện tích không khớp giữa hồ sơ với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng; việc tự ý xây dựng coi nới của 22 căn hộ không đúng so với Giấy phép xây dựng được cấp: Lô 15 là 16 căn hộ, lô 16 là 06 căn hộ); do đó, đã đề nghị chủ đầu tư có báo cáo giải trình và khắc phục phần tự ý xây dựng.

Sau khi nghiên cứu, xem xét: Báo cáo số 406A/2020/BC-HNV ngày 13/11/2020 của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid giải trình về việc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê tại lô đất 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Công văn số 264/2020/CV-HNV ngày 18/8/2020 của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid về việc quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị và trật tự xây dựng đối với các công trình nhà ở đã bàn giao cho khách hàng mua nhà tại dự án ĐTXD nhà ở để bán hoặc bán kết hợp cho thuê tại lô đất 15, 16 phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Công văn số 286/2020/CV-HNV ngày 27/10/2020 của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid; Công văn số 390/2020/CV-HNV ngày 28/10/2020 của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid về việc giải trình ý kiến của Sở Xây dựng tại Biên bản kiểm tra ngày 30/9/2020 tại lô đất 15, 16 Khu Đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Công văn số 2502/UBND-QLĐT ngày 03/11/2020 của UBND thành phố

Cao Bằng về hiện trạng xây dựng nhà ở tại lô đất số 15, 16 Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Công văn 2773/UBND-QLĐT ngày 09/12/2020 của UBND thành phố Cao Bằng về việc đính chính Văn bản số 2502/UBND-QLĐT ngày 03/11/2020 của UBND thành phố Cao Bằng.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án, tại lô đất 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng như sau:

### **1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê tại lô đất 15, 16.

1.2. Địa điểm xây dựng: Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid.

1.4. Lô đất số 15, 16 đã được UBND tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) cho Công ty cổ phần bất động sản Hano-Vid, gồm:

- GCNQSD đất số phát hành CQ 147183, số vào sổ cấp GCN: CT 01658, mã vạch số thứ tự hồ sơ 001392, ký cấp ngày 22/01/2019 (*Lô đất 15 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 104 (01 tờ)*). Diện tích 9.837,76 m<sup>2</sup>.

- GCNQSD đất số phát hành CQ 147189, số vào sổ cấp GCN: CT 01659, mã vạch số thứ tự hồ sơ 001392, ký cấp ngày 22/01/2019 (*Lô số 16 thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 115 (01 tờ)*). Diện tích 11.580,49 m<sup>2</sup>.

1.5. Các loại Giấy tờ liên quan đến lô đất số 15, 16:

- Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất Lô đất 15, 16 Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết lô 15, 16 Khu Trung tâm hành chính tỉnh tại Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/500;

- Công văn số 122/UBND-XD ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở tại lô đất số 15, 16 Khu đô thị mới Đề Thám;

- Quyết định số 155/2019/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2019 của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê tại lô đất số 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Giấy phép xây dựng số 1187/GPXD ngày 25/7/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

- Công văn số 663/STC-QLNS ngày 10/5/2019 của Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất lô đất 15, 16 Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng.

- Công văn số 1508/SXD-QLN ngày 13/9/2019 của Sở Xây dựng về việc Thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán, kết hợp cho thuê tại lô đất 15, 16 Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

## **2. Kết quả thực hiện dự án**

**2.1. Lô đất số 15:** Công ty đã đầu tư xây dựng 82 căn nhà trên diện tích 9.837,76 m<sup>2</sup>, theo Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết lô đất 15, 16 Khu Trung tâm hành chính tỉnh tại Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/500; Giấy phép xây dựng số 1187/GPXD ngày 25/7/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

**2.2. Lô đất số 16:** Công ty đã đầu tư xây dựng 86 căn nhà trên diện tích 11.580,49 m<sup>2</sup>, theo Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết lô 15, 16 Khu Trung tâm hành chính tỉnh tại Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/500; Giấy phép xây dựng số 1187/GPXD ngày 25/7/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

## **3. Kết quả kiểm tra**

### **3.1. Đối với diện tích đất:**

- Lô đất số 15: Diện tích theo GCNQSD đất là: 9.837,76 m<sup>2</sup>; diện tích do chủ đầu tư tự rà soát là: 9.837,80 m<sup>2</sup> (*chênh lệch tăng so với GCNQSD đất được cấp là 0,04 m<sup>2</sup>*).

- Lô đất số 16: Diện tích theo GCNQSD đất là: 11.580,49 m<sup>2</sup>; diện tích do chủ đầu tư tự rà soát là: 11.580,50 m<sup>2</sup> (*chênh lệch tăng so với GCNQSD đất được cấp là 0,01 m<sup>2</sup>*).

Nguyên nhân: Chênh lệch diện tích do quá trình cộng dồn làm tròn số học.

### 3.2. Đối với diện tích xây dựng và diện tích sàn xây dựng:

- Diện tích xây dựng thực tế tăng 0,49 m<sup>2</sup> so với diện tích theo Giấy phép xây dựng được cấp (*Lô 15 chênh lệch tăng 0,29 m<sup>2</sup>; Lô 16 chênh lệch tăng 0,20 m<sup>2</sup>*).

- Diện tích sàn xây dựng thực tế tăng 0,03 m<sup>2</sup> so với diện tích theo Giấy phép xây dựng được cấp (*Lô 15 chênh lệch tăng 0,02 m<sup>2</sup>; Lô 16 chênh lệch tăng 0,01 m<sup>2</sup>*).

Nguyên nhân: Chênh lệch diện tích do sai số cộng dồn làm tròn số học.

## 4. Các căn hộ đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án

### 4.1. Các căn hộ đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở:

- Lô đất số 15 đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở gồm: 66 căn hộ;

- Lô đất số 16 đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở gồm: 80 căn hộ.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Thông báo)*

### 4.2. Các căn hộ chưa đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở:

- Lô đất số 15 chưa đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở gồm: 16 căn hộ;

- Lô đất số 16 chưa đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở gồm: 06 căn hộ.

*(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Thông báo)*

## 5. Kết luận

5.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê tại lô đất số 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước và được chủ đầu tư thi công hoàn thành.

5.2. Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid đủ điều kiện thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **146 căn hộ** thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê tại lô đất số 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

5.3. Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid có trách nhiệm nộp hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thay cho các hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử

dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng hoặc cung cấp hồ sơ cho bên mua để tự đăng ký (thành phần hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai).

5.4. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

5.5. Đối với các trường hợp tự ý xây dựng vi phạm Giấy phép xây dựng số 1187/GPXD ngày 25/7/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng (gồm 22 căn hộ), đề nghị Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid khẩn trương đề nghị khách hàng khắc phục, báo cáo kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan để thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

Trên đây là thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án, tại lô đất 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Công ty CP Bất động sản Hano-Vid;
- UBND thành phố Cao Bằng;
- UBND phường Đề Thám;
- Giám đốc Sở (b/c);
- VP Đăng ký đất đai tỉnh;
- VPĐK đất đai CN thành phố Cao Bằng;
- Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu (để đăng tải lên website của Sở);
- Lưu: VT, QLDD.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Trọng Phùng**



**DANH SÁCH CÁC CĂN HỘ ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, BÁN NHÀ Ở**

Dự án: DTXD nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê tại lô đất 15, 16 Khu đô thị mới

Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Thông báo số 3325/TB-STNMT ngày 11/12/2020 của

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng)

STT	MÃ LÔ	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
			DT XÂY DỰNG THỰC TẾ	DT SÀN XÂY DỰNG THỰC TẾ	
<b>I</b>	<b>LÔ 15</b>	<b>8038.3</b>	<b>5273.4</b>	<b>19111.9</b>	
1	LO15-1.1	226.5	97.22	357.12	
2	LO15-1.2	167.8	86.40	307.00	
3	LO15-1.3	167.3	86.40	307.30	
4	LO15-1.4	167.3	86.40	307.00	
5	LO15-1.6	167.8	86.40	307.00	
6	LO15-1.8	167.8	86.40	307.79	
7	LO15-1.9	167.5	86.40	307.18	
8	LO15-1.10	167.2	86.40	306.69	
9	LO15-1.11	167.3	86.40	307.30	
10	LO15-1.12	167.6	86.40	306.69	
11	LO15-1.13	167.1	86.40	307.00	
12	LO15-1.14	167.7	86.40	307.30	
13	LO15-1.15	167.8	86.40	306.69	
14	LO15-1.16	260.7	109.87	400.56	
15	LO15-2.17	100.9	76.50	313.30	
16	LO15-2.18	100.6	76.50	269.27	
17	LO15-2.20	100.5	76.50	269.54	
18	LO15-2.21	100.5	76.50	269.27	
19	LO15-2.22	100.6	76.50	274.00	
20	LO15-2.23	100.5	76.50	274.00	
21	LO15-2.25	100.5	76.50	274.00	
22	LO15-2.26	100.7	76.50	274.00	
23	LO15-2.27	100.5	76.50	274.00	
24	LO15-2.28	100.5	76.50	274.00	
25	LO15-2.29	100.8	76.50	274.00	
26	LO15-2.31	100.7	76.50	274.00	
27	LO15-2.32	150.9	76.50	313.30	
28	LO15-2.33	150.7	76.50	313.30	
29	LO15-2.34	100.3	76.50	274.00	
30	LO15-2.35	100.1	76.50	274.00	
31	LO15-2.36	100.5	76.50	274.00	
32	LO15-2.37	100.5	76.50	274.00	
33	LO15-2.38	100.1	76.50	274.00	
34	LO15-2.39	100.7	76.50	274.00	
35	LO15-2.40	100.1	76.50	274.00	
36	LO15-2.41	100.5	76.50	274.00	
37	LO15-2.42	100.5	76.50	274.00	
38	LO15-2.43	100.5	76.50	274.00	
39	LO15-2.44	100.5	76.50	274.00	
40	LO15-2.45	100.5	76.50	274.00	
41	LO15-2.46	100.3	76.50	274.00	

42	LO15-2.47	100.5	76.50	274.00	
43	LO15-2.48	100.4	76.50	313.30	
44	LO15-3.56	100.5	76.50	274.00	
45	LO15-3.57	100.5	76.50	274.00	
46	LO15-3.58	100.5	76.50	274.00	
47	LO15-3.59	100.5	76.50	274.00	
48	LO15-3.60	100.2	76.50	274.00	
49	LO15-3.61	100.5	76.50	274.00	
50	LO15-3.63	100.5	76.50	274.00	
51	LO15-3.64	100.3	76.50	274.00	
52	LO15-3.65	183.5	99.70	384.00	
53	LO15-3.66	175.2	99.70	384.00	
54	LO15-3.68	100.5	76.50	274.00	
55	LO15-3.67	100.5	76.50	274.00	
56	LO15-3.69	100.5	76.50	274.00	
57	LO15-3.70	100.5	76.50	274.00	
58	LO15-3.71	100.5	76.50	274.00	
59	LO15-3.72	100.6	76.50	274.00	
60	LO15-3.73	100.5	76.50	274.00	
61	LO15-3.74	100.5	76.50	274.00	
62	LO15-3.75	100.5	76.50	274.00	
63	LO15-3.79	100.5	76.50	274.00	
64	LO15-3.80	100.3	76.50	274.00	
65	LO15-3.81	100.9	76.50	274.00	
66	LO15-3.82	157.5	81.60	332.00	
<b>II</b>	<b>LÔ 16</b>	<b>10707.4</b>	<b>7483.4</b>	<b>26469.8</b>	
1	LO16-1.1	257.5	117.83	420.67	
2	LO16-1.2	158.9	92.41	335.13	
3	LO16-1.3	159	92.41	335.13	
4	LO16-1.4	158.9	92.41	335.47	
5	LO16-1.5	158.9	92.41	335.13	
6	LO16-1.6	158.9	92.41	335.13	
7	LO16-1.7	158.7	92.41	335.47	
8	LO16-1.8	158.8	92.41	335.67	
9	LO16-1.9	158.7	92.41	335.67	
10	LO16-1.10	158.5	92.41	335.47	
11	LO16-1.11	158.8	92.41	335.13	
12	LO16-1.12	158.9	92.41	335.47	
13	LO16-1.13	158.9	92.41	335.13	
14	LO16-1.14	158.7	92.41	335.47	
15	LO16-1.15	158.9	92.41	335.47	
16	LO16-1.16	257.5	117.83	420.67	
17	LO16-2.17	119.2	92.00	364.40	
18	LO16-2.18	119.2	91.80	320.19	
19	LO16-2.20	119.2	91.80	318.84	
20	LO16-2.21	119.2	91.80	320.19	
21	LO16-2.22	119.2	91.80	320.72	
22	LO16-2.23	119.4	91.80	318.84	
23	LO16-2.24	119.2	91.80	320.51	
24	LO16-2.25	119.2	91.80	320.72	
25	LO16-2.26	119.2	91.80	318.84	
26	LO16-2.27	119.1	91.80	320.19	
27	LO16-2.28	119.4	91.80	321.04	
28	LO16-2.29	119.2	91.80	318.52	
29	LO16-2.30	119.2	91.80	320.51	
30	LO16-2.31	119.2	91.80	321.04	
31	LO16-2.32	119.2	91.80	322.30	



32	LO16-2.33	206.2	118.20	425.65	
33	LO16-2.34	209.6	118.20	425.65	
34	LO16-2.35	119.2	91.80	318.52	
35	LO16-2.36	119.2	91.80	321.04	
36	LO16-2.37	119.2	91.80	322.30	
37	LO16-2.38	119.2	91.80	318.84	
38	LO16-2.39	119.6	91.80	322.30	
39	LO16-2.40	119.2	91.80	320.51	
40	LO16-2.41	119.2	91.80	318.52	
41	LO16-2.42	119.2	91.80	322.30	
42	LO16-2.43	119.3	91.80	322.30	
43	LO16-2.44	119.3	91.80	318.84	
44	LO16-2.45	119.2	91.80	322.30	
45	LO16-2.46	119.2	91.80	322.30	
46	LO16-2.47	119.2	91.80	318.52	
47	LO16-2.48	119.2	91.80	320.72	
48	LO16-2.49	119.2	91.80	320.51	
49	LO16-3.51	197.5	104.70	409.10	
50	LO16-3.52	119.2	91.80	318.84	
51	LO16-3.53	119.2	91.80	320.42	
52	LO16-3.54	119.2	91.80	321.36	
53	LO16-3.55	119.2	91.80	318.84	
54	LO16-3.56	119.2	91.80	320.74	
55	LO16-3.57	119.2	91.80	321.04	
56	LO16-3.58	119.2	91.80	318.84	
57	LO16-3.59	119.2	91.80	320.74	
58	LO16-3.60	119.2	91.80	321.04	
59	LO16-3.61	119.2	91.80	319.15	
60	LO16-3.62	119.2	91.80	320.42	
61	LO16-3.63	119.2	91.80	321.36	
62	LO16-3.64	119.2	91.80	318.84	
63	LO16-3.65	119.4	91.80	320.42	
64	LO16-3.66	119.2	91.80	321.36	
65	LO16-3.67	119.2	91.80	318.84	
66	LO16-3.71	119.2	91.80	321.04	
67	LO16-3.72	119.5	91.80	320.83	
68	LO16-3.73	119.2	91.80	318.84	
69	LO16-3.74	119.2	91.80	321.36	
70	LO16-3.75	119.3	91.80	322.30	
71	LO16-3.77	119.2	91.80	321.36	
72	LO16-3.78	119.2	91.80	320.51	
73	LO16-3.79	119.2	91.80	318.84	
74	LO16-3.80	119.2	91.80	321.36	
75	LO16-3.81	119.2	91.80	320.51	
76	LO16-3.82	119.2	91.80	319.15	
77	LO16-3.83	119.2	91.80	321.04	
78	LO16-3.84	119.2	91.80	320.83	
79	LO16-3.85	119.2	91.80	318.84	
80	LO16-3.86	202.1	104.70	407.39	
<b>Tổng lô 15+16:</b>		<b>18745.7</b>	<b>12756.8</b>	<b>45581.7</b>	

Danh sách ấn định 146 căn hộ./.



**DANH SÁCH CÁC CĂN HỘ CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,  
BÁN NHÀ Ở**

**Dự án: ĐTXD nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê tại lô đất 15, 16 Khu đô thị mới  
Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng**

(Kèm theo Thông báo số 3325/TB-STNMT ngày 11/12/2020  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng)

STT	MÃ LÔ	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
			DT XÂY DỰNG THỰC TẾ	DT SÀN XÂY DỰNG THỰC TẾ	
<b>I</b>	<b>LÔ 15</b>	<b>1799.5</b>	<b>1248.9</b>	<b>4502.1</b>	
1	LO15-1.5	167.7	86.40	307.30	
2	LO15-1.7	167.6	86.40	306.69	
3	LO15-2.19	100.9	76.50	269.27	
4	LO15-2.24	100.5	76.50	274.00	
5	LO15-2.30	100.5	76.50	274.00	
6	LO15-3.49	157.3	81.60	330.85	
7	LO15-3.50	100.5	76.50	274.00	
8	LO15-3.51	100.4	76.50	274.00	
9	LO15-3.52	100.5	76.50	274.00	
10	LO15-3.53	100.5	76.50	274.00	
11	LO15-3.54	100.6	76.50	274.00	
12	LO15-3.55	100.2	76.50	274.00	
13	LO15-3.62	100.2	76.50	274.00	
14	LO15-3.76	100.5	76.50	274.00	
15	LO15-3.77	100.8	76.50	274.00	
16	LO15-3.78	100.8	76.50	274.00	
<b>II</b>	<b>LÔ 16</b>	<b>873.1</b>	<b>576.8</b>	<b>2139.2</b>	
1	LO16-2.19	119.2	91.80	320.72	
2	LO16-2.50	119.2	92.00	364.13	
3	LO16-3.68	198.1	104.70	407.33	
4	LO16-3.69	198.2	104.70	409.04	
5	LO16-3.70	119.2	91.80	319.15	
6	LO16-3.76	119.2	91.80	318.84	
<b>Tổng lô 15+16:</b>		<b>2672.6</b>	<b>1825.7</b>	<b>6641.3</b>	

Danh sách ấn định 22 căn hộ./.

